

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở,

ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 47/TTr-SCT ngày 10/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo). Trong đó:

Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính cấp huyện số thứ tự 04 (trang 84, 85), số thứ tự 06 (trang 85), số thứ tự 07 (trang 86), số thứ tự 10 (trang 87), số thứ tự 11 (trang 88), số thứ tự 12 (trang 88) lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức DVC
01	2.000633. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	09 ngày làm việc (tính đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Toàn trình
02	1.001279. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	06 ngày làm việc (tính đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.	Toàn trình
03	2.000620. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	09 ngày làm việc (tính đã cắt giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	- Tại các thị xã, thành phố: Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: Đối với doanh nghiệp: 600.000	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.	Toàn trình

					đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng * Áp dụng thu phí, lệ phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 thực hiện theo Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	
04	2.000181. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	09 ngày làm việc (tính đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với thời gian quy định của trung ương)	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	- Tại các thị xã, thành phố: Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng * Áp dụng thu phí, lệ phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 thực hiện theo Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.	Toàn trình
05	2.000150. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	09 ngày làm việc (tính đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với thời gian quy	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực	* Trường hợp cấp lại do giấy phép hết hạn: - Tại các thị xã, thành phố: Đối với doanh nghiệp: 1.200.000	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	Toàn trình

			<i>định của trung ương)</i>	tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng - Tại các huyện: Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng; Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng * Trường hợp cấp lại do giấy phép bị mất, bị hỏng: 0 đồng * Áp dụng thu phí, lệ phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 thực hiện theo Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính	
06	2.000162.000.00.00.H10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	09 ngày làm việc (<i>tính đã cắt giảm 06 ngày làm việc so với thời gian quy định của trung ương)</i>	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện	Không	Toàn trình

***Ghi chú:** Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Công Thương công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.